

THÔNG BÁO MỜI QUAN TÂM

Kính gửi: Quý công ty

Bệnh viện Đa khoa Tân Bình xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác với Quý Công ty.

Bệnh viện Đa khoa Tân Bình đang có nhu cầu mua sắm vật tư, hóa chất xét nghiệm năm 2026 có kèm thiết bị y tế để sử dụng hóa chất, vật tư xét nghiệm (*nhà thầu không chuyển giao quyền sở hữu, chỉ chuyển giao quyền sử dụng thiết bị y tế cho bệnh viện*).

Nhằm có cơ sở cho công tác xây dựng danh mục Mua sắm vật tư, hóa chất xét nghiệm năm 2026, kính mời Quý công ty có năng lực kinh nghiệm chào danh mục chi tiết vật tư, hóa chất xét nghiệm để thực hiện các danh mục dịch vụ kỹ thuật theo yêu cầu tại *Phụ lục 1 đính kèm Thông báo* và danh mục thiết bị y tế sử dụng đi kèm đáp ứng yêu cầu tối thiểu nêu tại *Phụ lục 2 đính kèm Thông báo*.

1. Danh mục mời quan tâm:

- Theo mẫu *Phụ lục 3, Phụ lục 4* đính kèm *Thông báo*.

2. Hồ sơ quan tâm:

- Điền đầy đủ các cột mục theo *Phụ lục 3* và *Phụ lục 4* đính kèm *Thông báo*.
- Chào đầy đủ danh mục và số lượng vật tư, hóa chất xét nghiệm tại *Phụ lục 3*, đảm bảo thực hiện tất cả các dịch vụ kỹ thuật trong lô (*trong đó bao gồm vật tư, hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác thử nghiệm chất lượng dịch vụ kỹ thuật và hiệu chỉnh thiết bị*) trong thời gian thực hiện hợp đồng 12 tháng.
- Giá vật tư, hóa chất xét nghiệm trong *Phụ lục 3* là giá đã bao gồm chi phí thiết bị y tế đi kèm sử dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng (*trong đó đã bao gồm dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, thay thế linh kiện; lắp đặt, đào tạo, hướng dẫn sử dụng*); thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí có liên quan.

- Bảng thuyết minh cấu thành danh mục, số lượng hóa chất, vật tư xét nghiệm theo từng dịch vụ kỹ thuật tương ứng trong từng lô mà công ty tham gia chào tại Phụ lục 3.

- Catalogue tiếng Anh và bản dịch tiếng Việt, thuyết minh tính năng kỹ thuật của thiết bị y tế công ty chào tại Phụ lục 4.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng.

- Hiệu lực hồ sơ quan tâm: tối thiểu 06 tháng kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ quan tâm.

- Bản chính Danh mục chào tại Phụ lục 3, Phụ lục 4 phải có chữ ký, đóng dấu của người đại diện hợp pháp.

3. Thời gian nộp hồ sơ quan tâm, hình thức gửi hồ sơ quan tâm và nơi tiếp nhận hồ sơ quan tâm:

3.1. Thời hạn nộp hồ sơ quan tâm:

- Từ ngày đăng thông báo đến hết ngày 27/10/2025.

3.2. Hình thức gửi hồ sơ quan tâm:

- Bản giấy Hồ sơ quan tâm gửi về nơi tiếp nhận hồ sơ quan tâm theo Thông báo.

- Gửi file và bản scan hồ sơ quan tâm có đóng dấu qua email.

3.3. Nơi tiếp nhận hồ sơ quan tâm:

- Khoa Dược – Vật tư, thiết bị y tế; Địa chỉ: số 605 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại liên hệ: 038.119.936; Di động: 0909.594.107 (Ds.Thanh An).

- Email: hoachat.bvtb@gmail.com.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website BV;
- TMS;
- Lưu VT, K.Dược.



GIÁM ĐỐC

Bs.CKII. Võ Văn Hùng

PHỤ LỤC 1 - DANH MỤC DỊCH VỤ KỸ THUẬT

(Đính kèm Thông báo số 249/TB-BVĐKTB ngày 15/10/2025 của Bệnh viện Đa khoa Tân Bình)

STT	Danh mục dịch vụ kỹ thuật	Mô tả dịch vụ kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dịch vụ kỹ thuật dự kiến thực hiện 12 tháng	Số lượt QC dự kiến trong 12 tháng
1	2	3	4	5	6
I XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH					
1	Xét nghiệm Tuyến giáp (Thyroid)				
1.1	Miễn dịch định lượng TSH	Đánh giá chức năng tuyến giáp, suy/cường giáp, theo dõi điều trị	Xét nghiệm	5,800	300
1.2	Định lượng Anti-Tg (Antibody-Thyroglobulin) [Máu]	Theo dõi bệnh tự miễn tuyến giáp Hashimoto, ung thư tuyến giáp	Xét nghiệm	300	24
1.3	Miễn dịch định lượng FT3	Đánh giá cường giáp T3, khi FT4 bình thường	Xét nghiệm	3,300	300
1.4	Anti-TPO	Phát hiện viêm giáp tự miễn Hashimoto, Basedow	Xét nghiệm	400	24
1.5	Miễn dịch định lượng FT4	Đánh giá cường/suy giáp, theo dõi điều trị	Xét nghiệm	5,300	300
2	Xét nghiệm Nội tiết tố				
2.1	Cortisol	Đánh giá trục tuyến yên – thượng thận, stress, suy thượng thận	Xét nghiệm	150	12
2.2	Peptide - C	Đánh giá tiết insulin nội sinh, phân biệt typ 1/2	Xét nghiệm	150	12
3	Xét nghiệm Nhiễm khuẩn Sepsis Critical Care				
3.1	Định lượng Procalcitonin	Chẩn đoán nhiễm trùng nặng, sepsis, quyết định kháng sinh	Xét nghiệm	150	12
4	Dấu ấn ung thư Tumor marker				
4.1	Định lượng CA 125 máu	Theo dõi ung thư buồng trứng	Xét nghiệm	150	12

STT	Danh mục dịch vụ kỹ thuật	Mô tả dịch vụ kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dịch vụ kỹ thuật dự kiến thực hiện 12 tháng	Số lượt QC dự kiến trong 12 tháng
1	2	3	4	5	6
4.2	Định lượng CA 19-9 máu	Theo dõi ung thư dạ dày – tụy	Xét nghiệm	150	12
4.3	Định lượng CA 15-3 máu	Theo dõi ung thư vú	Xét nghiệm	150	12
4.4	Miễn dịch định lượng CEA	Theo dõi ung thư đại trực tràng, phổi, v.v.	Xét nghiệm	600	24
4.5	Miễn dịch định lượng AFP	Ung thư gan nguyên phát, theo dõi bệnh	Xét nghiệm	700	24
4.6	Miễn dịch định lượng PSA toàn phần	Sàng lọc ung thư tuyến tiền liệt, theo dõi	Xét nghiệm	600	24
5	Sức khỏe sinh sản				
5.1	Miễn dịch định lượng BhCG	Chẩn đoán thai, nang nhau, theo dõi điều trị u nhau	Xét nghiệm	1,100	50
6	Thiếu máu Anemia				
6.1	Định lượng Ferritin [Máu]	Đánh giá dự trữ sắt, thiếu máu; theo dõi điều trị	Xét nghiệm	1,200	50
7	Bộ tim mạch Cardiac marker				
7.1	Miễn dịch định lượng NT ProBNP hoặc BNP [Máu]	Chẩn đoán, phân tầng nguy cơ và theo dõi suy tim	Xét nghiệm	3,000	300
7.2	Miễn dịch định lượng Troponin I hs hoặc Troponin T hs	Chẩn đoán NMCT cấp, đánh giá tổn thương cơ tim rất sớm	Xét nghiệm	2,000	300
8	Bệnh lây truyền Infectious Diseases				
8.1	Miễn dịch Rubella IgG tự động	Xác định miễn dịch Rubella, đánh giá miễn dịch cộng đồng	Xét nghiệm	300	12
8.2	Miễn dịch định lượng Anti HBs	Đánh giá miễn dịch sau tiêm chủng HBV; theo dõi đáp ứng vaccine	Xét nghiệm	1,000	24
8.3	Miễn dịch Rubella IgM tự động	Chẩn đoán nhiễm Rubella cấp, theo dõi ổ dịch	Xét nghiệm	300	12

STT	Danh mục dịch vụ kỹ thuật	Mô tả dịch vụ kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dịch vụ kỹ thuật dự kiến thực hiện 12 tháng	Số lượt QC dự kiến trong 12 tháng
1	2	3	4	5	6
8.4	HBsAg miễn dịch tự động	Sàng lọc viêm gan B, theo dõi tình trạng mang virus	Xét nghiệm	5,300	150
8.5	HCV Ab miễn dịch tự động	Sàng lọc nhiễm HCV, sàng lọc máu	Xét nghiệm	2,600	150
II XÉT NGHIỆM SINH HÓA					
1	Do hoạt độ AST (GOT)	Đánh giá tổn thương gan	Xét nghiệm	76,100	300
2	Do hoạt độ ALT (GPT)	Đánh giá tổn thương gan	Xét nghiệm	76,300	300
3	Định lượng Glucose	Chẩn đoán và theo dõi đái tháo đường	Xét nghiệm	84,000	300
4	Định lượng Creatinine	Đánh giá chức năng thận	Xét nghiệm	76,700	300
5	Định lượng MAU (Micro Albumin Urine)	Phát hiện viêm thận phổi tiểu đường sớm	Xét nghiệm	12,300	300
6	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	Đánh giá rối loạn điện giải trong máu	Xét nghiệm	49,100	300
7	Định lượng HDL - Cholesterol	Đánh giá lipid máu tim mạch	Xét nghiệm	53,400	300
8	Do hoạt độ Amylase	Chẩn đoán viêm tụy cấp / mạn	Xét nghiệm	900	50
9	Định lượng Acide Uric	Gút, rối loạn chuyển hóa purine	Xét nghiệm	8,400	300
10	Định lượng Cholesterol toàn phần	Đánh giá nguy cơ tim mạch	Xét nghiệm	53,500	300
11	Định lượng Bilirubin toàn phần	Đánh giá chức năng gan; vàng da	Xét nghiệm	1,000	50
12	Định lượng Bilirubin trực tiếp	Phân biệt vàng da tắc mật	Xét nghiệm	900	50
13	Định lượng Sắt	Thiếu sắt, quá nhiều sắt	Xét nghiệm	1,100	100
14	Định lượng Triglycerid	Đánh giá mỡ máu tim mạch	Xét nghiệm	53,500	300

STT	Danh mục dịch vụ kỹ thuật	Mô tả dịch vụ kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dịch vụ kỹ thuật dự kiến thực hiện 12 tháng	Số lượt QC dự kiến trong 12 tháng
1	2	3	4	5	6
15	Định lượng Creatinin (niệu)	Theo dõi chức năng thận	Xét nghiệm	12,300	300
16	Định lượng Fructosamin [Máu]	Theo dõi đường huyết ngắn hạn (2-3 tuần)	Xét nghiệm	1,500	100
17	Định lượng Albumine	Dinh dưỡng, chức năng gan/thận	Xét nghiệm	600	50
18	Định lượng Urê	Đánh giá chức năng thận, chuyển hóa protein	Xét nghiệm	44,100	300
19	Phản ứng CRP	Viêm cấp, nhiễm khuẩn	Xét nghiệm	3,300	300
20	Đo hoạt độ GGT	Đánh giá mật, gan, viêm gan do rượu	Xét nghiệm	1,200	50
21	Định lượng RF (Rheumatoid Factor)	Chẩn đoán viêm đa khớp dạng thấp	Xét nghiệm	700	50
22	Định lượng Calci toàn phần	Dinh dưỡng, tuyến cận giáp, gan thận	Xét nghiệm	29,700	300
23	Định lượng CRP hs	Đánh giá nguy cơ tim mạch, Viêm cấp, nhiễm khuẩn	Xét nghiệm	2,500	50
24	Định lượng Ure niệu	Chức năng thận niệu, đánh giá tiết niệu	Xét nghiệm	700	12
25	Định lượng điện giải đồ niệu	Rối loạn điện giải, đánh giá thận	Xét nghiệm	750	12
III	ĐỊNH LƯỢNG HbA1C				
1	Định lượng HbA1C	Theo dõi lâu dài kiểm soát glucose	Xét nghiệm	16,600	300
IV	XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC				
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bảng máy đếm laser)	Dòng chảy tế bào huỳnh quang kết hợp đếm trở kháng và tán xạ ánh sáng	Xét nghiệm	89,600	300
V	XÉT NGHIỆM KÝ SINH TRÙNG				
1	Entamoeba histolitica Ab	Chẩn đoán lỵ, áp xe do amip	Xét nghiệm	1,400	24



STT	Danh mục dịch vụ kỹ thuật	Mô tả dịch vụ kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dịch vụ kỹ thuật dự kiến thực hiện 12 tháng	Số lượt QC dự kiến trong 12 tháng
1	2	3	4	5	6
2	Sản chó Echinococcus granulosus Ab	Chẩn đoán nhiễm nang, sản chó	Xét nghiệm	820	24
3	Toxocara Ab	Chẩn đoán nhiễm giun đũa chó mèo	Xét nghiệm	820	24
4	Strongyloides Ab	Chẩn đoán nhiễm giun lươn	Xét nghiệm	820	24
5	Gnathostoma Ab	Chẩn đoán nhiễm giun đầu gai	Xét nghiệm	820	24
VI XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU					
1	Thời gian Prothrombin (PTs)	Theo dõi warfarin, đánh giá chức năng đông máu	Xét nghiệm	3,200	300
2	Thời gian thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT)	Theo dõi Heparin, rối loạn yếu tố nội sinh	Xét nghiệm	2,800	300
3	Định lượng Fibrinogen	Đánh giá nguy cơ hoặc nguyên nhân chảy máu bất thường, nghi ngờ rối loạn đông máu, hoặc theo dõi các bệnh lý gan, tình trạng viêm và thiếu hụt fibrinogen bẩm sinh, tầm soát trước phẫu thuật, theo dõi điều trị thay thế fibrinogen.	Xét nghiệm	2,800	300
4	Định lượng D-dimer	Chẩn đoán huyết khối; theo dõi DIC/phẫu thuật	Xét nghiệm	300	12

PHỤ LỤC 2 – YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ Y TẾ

(Đính kèm Thông báo số 249/TB-BVĐKTB ngày 15/10/2025 của Bệnh viện Đa khoa Tân Bình)

STT	Danh mục thiết bị y tế	Yêu cầu về thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng
1	Thiết bị y tế chạy các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm Miễn dịch	Máy miễn dịch tự động với các yêu cầu sau: 1. Có khả năng thực hiện đầy đủ các xét nghiệm Miễn dịch trong danh mục tại Phụ lục 1 đính kèm Thông báo. 2. Diện tích tối đa (dài x rộng): 150cm x 80cm. 3. Phương pháp CLIA, trong đó, ưu tiên phương pháp ECLIA (giảm thời gian xét nghiệm). 4. Công suất: ≥ 100 test/giờ. 5. Cho phép nạp mẫu liên tục. 6. Kết nối 2 chiều với LIS. 7. Máy Sản xuất năm 2024 trở về sau.	Hệ thống/ Máy	1
2	Thiết bị y tế chạy các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm Sinh hóa	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động với các yêu cầu sau: 1. Có khả năng thực hiện đầy đủ các xét nghiệm Sinh hóa trong danh mục tại Phụ lục 1 đính kèm Thông báo. 2. Diện tích chân máy tối đa (dài x rộng): 160cm x 90cm. 3. Có tích hợp ISE hoặc tương đương. 4. Đáp ứng công suất: ≥ 300 xét nghiệm/giờ (chỉ đo quang), ≥ 300 xét nghiệm/giờ (chỉ đo ISE), ≥ 600 xét nghiệm/giờ (chế độ hỗn hợp: đo quang + ISE). 5. Cho phép nạp mẫu liên tục. 6. Kết nối 2 chiều với LIS. 7. Máy Sản xuất năm 2024 trở về sau.	Hệ thống/ Máy	1
3	Thiết bị y tế chạy dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm Định lượng HbA1C	1. Diện tích chân máy tối đa (dài x rộng): 55cm x 55cm. 2. Sử dụng phương pháp HPLC - tiêu chuẩn vàng. Độ chính xác cao, CV< 1%. 3. Công suất xử lý mẫu: ≥ 50 mẫu/giờ, thời gian phân tích không quá 90 giây/mẫu. 4. Có khả năng nạp mẫu liên tục tự động cho một lần chạy. Chế độ ưu tiên xử lý mẫu khẩn cấp (STAT) tích hợp. 5. Có bộ tiền lọc (Pre-Filter) để đảm bảo loại bỏ các vật ngoại lai hoặc các cục máu đông nhỏ không nhận thấy được mắt thường, bảo vệ cột sắc ký. 6. Phần mềm tự động phân tích sắc ký. 7. Có kết nối LIS. 8. Cột sắc ký cao sử dụng được cho tối thiểu 3.000 test, tuổi thọ đảm bảo > 12 tháng. 9. Máy Sản xuất năm 2024 trở về sau.	Hệ thống/ Máy	1
4	Thiết bị y tế chạy dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm Huyết học	Máy xét nghiệm huyết học tự động với các yêu cầu sau: 1. Diện tích chân máy tối đa (dài x rộng): 110cm x 80cm. 2. Có module lấy mẫu tự động (autosampler). 3. Đáp ứng công suất: ≥ 80 mẫu/giờ. 4. Kết nối được với LIS. 5. Máy Sản xuất năm 2024 trở về sau.	Hệ thống/ Máy	1
5	Thiết bị y tế chạy các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm Ký sinh trùng	1. Có khả năng thực hiện đầy đủ các xét nghiệm Ký sinh trùng trong danh mục tại Phụ lục 1 đính kèm Thông báo. 2. Diện tích chân máy tối đa (dài x rộng): 90cm x 80cm. 3. Có kết nối LIS. 4. Máy Sản xuất năm 2024 trở về sau.	Hệ thống/ Máy	1
6	Thiết bị y tế chạy các dịch vụ	Máy xét nghiệm đông máu tự động đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật sau:	Hệ thống/ Máy	1

**vụ kỹ thuật
xét nghiệm
Đông máu**

1. Có khả năng thực hiện đầy đủ các xét nghiệm Đông máu trong danh mục tại Phụ lục 1 đính kèm Thông báo.
2. Đáp ứng công suất: ≥ 10 xét nghiệm/giờ.
3. Phân tích được các chỉ số đông máu cơ bản và D-dime.
4. Kết nối được với LIS.
5. Sử dụng phương pháp đo quang hoặc tương đương.
6. Máy Sản xuất năm 2024 trở về sau



Tên công ty:
Địa chỉ:
MST:
Số điện thoại liên hệ:

DANH MỤC CHÀO THIẾT BỊ Y TẾ ĐI KÈM DANH MỤC HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM CÔNG TY CHÀO TÀI PHỤ LỤC 3
(Đính kèm Thông báo số 249/TB-BVĐKTB ngày 15/10/2025 của Bệnh viện Đa khoa Tân Bình)

DANH MỤC BỆNH VIỆN YÊU CẦU																	
STT	Danh mục thiết bị y tế	Yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/ĐB-CP (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	Thiết bị y tế chạy các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm Miễn dịch	Máy miễn dịch tự động với các yêu cầu sau: 1. Có khả năng thực hiện đầy đủ các xét nghiệm Miễn dịch trong danh mục tại Phụ lục 1 đính kèm Thông báo 2. Diện tích tối đa (dài x rộng): 150cm x 80cm. 3. Phương pháp CLIA, trong đó, ưu tiên phương pháp ECIA (giảm thời gian xét nghiệm). 4. Công suất: ≥ 100 test/giờ. 5. Cho phép nạp mẫu liên tục. 6. Kết nối 2 chiều với LIS. 7. Máy Sản xuất năm 2024 trở về sau.	Hệ thống/ Máy	1													
2	Thiết bị y tế chạy các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm Sinh hóa	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động với các yêu cầu sau: 1. Có khả năng thực hiện đầy đủ các xét nghiệm Sinh hóa trong danh mục tại Phụ lục 1 đính kèm Thông báo 2. Diện tích chân máy tối đa (dài x rộng): 160cm x 90cm. 3. Có tích hợp ISE hoặc tương đương. 4. Đáp ứng công suất: ≥ 300 xét nghiệm/giờ (chỉ đo quang), ≥ 300 xét nghiệm/giờ (chỉ đo ISE), ≥ 600 xét nghiệm/giờ (chế độ hỗn hợp: đo quang + ISE). 5. Cho phép nạp mẫu liên tục. 6. Kết nối 2 chiều với LIS. 7. Máy Sản xuất năm 2024 trở về sau.	Hệ thống/ Máy	1													
3	Thiết bị y tế chạy dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm Định lượng HbA1C	1. Diện tích chân máy tối đa 0,5m2. □ Ghi rõ hơn (dài, rộng) 2. Sử dụng phương pháp HPLC - tiêu chuẩn vàng. Độ chính xác cao, CV<1%. 3. Công suất xử lý mẫu: ≥ 50 mẫu/giờ, thời gian phân tích không quá 90 giây/mẫu. 4. Có khả năng nạp mẫu liên tục tự động cho một lần chạy. Chế độ ưu tiên xử lý mẫu khẩn cấp (STAT) tích hợp. 5. Có bộ tiền lọc (Pre-Filter) để đảm bảo loại bỏ các vật ngoại lai hoặc các cục máu đông nhỏ không nhận thấy được mắt thường, bảo vệ cột sắc ký. 6. Phần mềm tự động phân tích sắc ký. 7. Có kết nối LIS. 8. Cột sắc ký cao sử dụng được cho tới thiểu 3.000 test, tuổi thọ đảm bảo > 12 tháng. 9. Máy Sản xuất năm 2024 trở về sau.	Hệ thống/ Máy	1													

DANH MỤC BỆNH VIỆN YẾU CẦU																	DANH MỤC CÔNG TY CHẢO									
STT	Danh mục thiết bị y tế	Yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/NĐ-CP (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú										
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12										
4	Thiết bị y tế chạy dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm Huyết học	Máy xét nghiệm huyết học tự động với các yêu cầu sau: 1. Diện tích chân máy tối đa (dài x rộng): 110cm x 80cm. 2. Có module lấy mẫu tự động (autosampler). 3. Đáp ứng công suất: ≥ 80 mẫu/giờ. 4. Kết nối được với LIS. 5. Máy Sản xuất năm 2024 trở về sau.	Hệ thống/ Máy	1																						
5	Thiết bị y tế chạy các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm Ký sinh trùng	1. Có khả năng thực hiện đầy đủ các xét nghiệm KÝ sinh trùng trong danh mục tại Phụ lục 1 đính kèm Thông báo 2. Diện tích chân máy tối đa (dài x rộng): 90cm x 80cm. 3. Có kết nối LIS. 4. Máy Sản xuất năm 2024 trở về sau.	Hệ thống/ Máy	1																						
6	Thiết bị y tế chạy các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm Đông máu	Máy xét nghiệm đông máu tự động đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật sau: 1. Có khả năng thực hiện đầy đủ các xét nghiệm Đông máu trong danh mục tại Phụ lục 1 đính kèm Thông báo 2. Đáp ứng công suất: ≥ 10 xét nghiệm/giờ. 3. Phân tích được các chỉ số đông máu cơ bản và D-dimer. 4. Kết nối được với LIS. 5. Sử dụng phương pháp đo quang hoặc tương đương. 6. Máy Sản xuất năm 2024 trở về sau.	Hệ thống/ Máy	1																						

*** Ghi chú:**

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng.
- Mỗi danh mục là một phần độc lập, công ty không nhất thiết phải chào đủ tất cả các danh mục nêu trên.

Ngày tháng năm 2025
Đại diện Công ty
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tên công ty:
Địa chỉ:
MST:
Số điện thoại liên hệ:



DANH MỤC CHÀO HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM THỰC HIỆN DỊCH VỤ KỸ THUẬT THEO MÁY CHÀO TẠI PHỤ LỤC 4
(Đính kèm Thông báo số 249/TB-BVĐKTB ngày 15/10/2025 của Bệnh viện Đa khoa Tân Bình)

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Năm sản xuất	Mã hiệu sản phẩm	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/NĐ-CP (nếu có)	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính (quy đổi về đơn vị tính nhỏ nhất (test/ ml/ cái))	Số lượng	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=13*14
I HÓA CHẤT, VẬT TƯ THỰC HIỆN CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH														
Công ty liệt kê danh mục hóa chất, vật tư xét nghiệm cần thiết để thực hiện tất cả các danh mục dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm Miễn dịch theo yêu cầu của Bệnh viện tại Phụ lục 1 đính kèm Thông báo trong thời gian hợp đồng 12 tháng, tương ứng với thiết bị y tế liệt kê tại Phụ lục 4, trong đó từng danh mục vật tư, hóa chất xét nghiệm phải chào đầy đủ tất cả các cột mục trong biểu (bao gồm vật tư, hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác thử nghiệm chất lượng dịch vụ kỹ thuật và hiệu chỉnh thiết bị), đồng thời đính kèm Bảng thuyết minh cấu thành danh mục, số lượng hóa chất, vật tư xét nghiệm theo từng dịch vụ kỹ thuật.														
1	Hóa chất													
2	Hóa chất													
3														
Tổng cộng thành tiền (đã bao gồm chi phí cho mướn máy, đặt máy (trong đó đã bao gồm dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, thay thế linh kiện; lắp đặt, đào tạo, hướng dẫn sử dụng); thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí có liên quan														
0														
II HÓA CHẤT, VẬT TƯ THỰC HIỆN CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM SINH HÓA														
Công ty liệt kê danh mục hóa chất, vật tư xét nghiệm cần thiết để thực hiện tất cả các danh mục dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm Sinh hóa theo yêu cầu của Bệnh viện tại Phụ lục 1 đính kèm Thông báo trong thời gian hợp đồng 12 tháng, tương ứng với thiết bị y tế liệt kê tại Phụ lục 4, trong đó từng danh mục vật tư, hóa chất xét nghiệm phải chào đầy đủ tất cả các cột mục trong biểu (bao gồm vật tư, hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác thử nghiệm chất lượng dịch vụ kỹ thuật và hiệu chỉnh thiết bị), đồng thời đính kèm Bảng thuyết minh cấu thành danh mục, số lượng hóa chất, vật tư xét nghiệm theo từng dịch vụ kỹ thuật.														
1	Hóa chất													
2	Hóa chất													
3														
Tổng cộng thành tiền (đã bao gồm chi phí cho mướn máy, đặt máy (trong đó đã bao gồm dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, thay thế linh kiện; lắp đặt, đào tạo, hướng dẫn sử dụng); thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí có liên quan														
0														
III HÓA CHẤT, VẬT TƯ THỰC HIỆN DỊCH VỤ KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM ĐỊNH LƯỢNG HBAIC														
Công ty liệt kê danh mục hóa chất, vật tư xét nghiệm cần thiết để thực hiện danh mục dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm Định lượng HbA1C theo yêu cầu của Bệnh viện tại Phụ lục 1 đính kèm Thông báo trong thời gian hợp đồng 12 tháng, tương ứng với thiết bị y tế liệt kê tại Phụ lục 4, trong đó từng danh mục vật tư, hóa chất xét nghiệm phải chào đầy đủ tất cả các cột mục trong biểu (bao gồm vật tư, hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác thử nghiệm chất lượng dịch vụ kỹ thuật và hiệu chỉnh thiết bị), đồng thời đính kèm Bảng thuyết minh cấu thành danh mục, số lượng hóa chất, vật tư xét nghiệm theo dịch vụ kỹ thuật.														
1	Hóa chất													
2	Hóa chất													
3														
Tổng cộng thành tiền (đã bao gồm chi phí cho mướn máy, đặt máy (trong đó đã bao gồm dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, thay thế linh kiện; lắp đặt, đào tạo, hướng dẫn sử dụng); thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí có liên quan														
0														
IV HÓA CHẤT, VẬT TƯ THỰC HIỆN DỊCH VỤ KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC														
chỉ phí có liên quan														
0														

Công ty liệt kê danh mục hóa chất, vật tư xét nghiệm cần thiết để thực hiện danh mục dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm Huyết học theo yêu cầu của Bệnh viện tại Phụ lục 1 đính kèm Thông báo trong thời gian hợp đồng 12 tháng, tương ứng với thiết bị y tế liệt kê tại Phụ lục 4, trong đó từng danh mục vật tư, hóa chất xét nghiệm phải chào đầy đủ tất cả các cột mục trong biểu (bao gồm vật tư, hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác thử nghiệm chất lượng dịch vụ kỹ thuật và hiệu chỉnh thiết bị), đồng thời đính kèm Bảng thuyết minh cấu thành danh mục, số lượng hóa chất, vật tư xét nghiệm theo dịch vụ kỹ thuật.												
1	Hóa chất											
2	Hóa chất											
3												
Tổng cộng thành tiền (đã bao gồm chi phí cho mượn máy, đặt máy (trong đó đã bao gồm dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, thay thế linh kiện; lắp đặt, đào tạo, hướng dẫn sử dụng); thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí có liên quan												
0												
V HÓA CHẤT, VẬT TƯ THỰC HIỆN CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM KÝ SINH TRÙNG												
Công ty liệt kê danh mục hóa chất, vật tư xét nghiệm cần thiết để thực hiện tất cả danh mục dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm Ký sinh trùng theo yêu cầu của Bệnh viện tại Phụ lục 1 đính kèm Thông báo trong thời gian hợp đồng 12 tháng, tương ứng với thiết bị y tế liệt kê tại Phụ lục 4, trong đó từng danh mục vật tư, hóa chất xét nghiệm phải chào đầy đủ tất cả các cột mục trong biểu (bao gồm vật tư, hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác thử nghiệm chất lượng dịch vụ kỹ thuật và hiệu chỉnh thiết bị), đồng thời đính kèm Bảng thuyết minh cấu thành danh mục, số lượng hóa chất, vật tư xét nghiệm theo từng dịch vụ kỹ thuật.												
1	Hóa chất											
2	Hóa chất											
3												
Tổng cộng thành tiền (đã bao gồm chi phí cho mượn máy, đặt máy (trong đó đã bao gồm dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, thay thế linh kiện; lắp đặt, đào tạo, hướng dẫn sử dụng); thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí có liên quan												
0												
VI HÓA CHẤT, VẬT TƯ THỰC HIỆN CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM ĐỒNG MÁU												
Công ty liệt kê danh mục hóa chất, vật tư xét nghiệm cần thiết để thực hiện tất cả danh mục dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm Đông máu theo yêu cầu của Bệnh viện tại Phụ lục 1 đính kèm Thông báo trong thời gian hợp đồng 12 tháng, tương ứng với thiết bị y tế liệt kê tại Phụ lục 4, trong đó từng danh mục vật tư, hóa chất xét nghiệm phải chào đầy đủ tất cả các cột mục trong biểu (bao gồm vật tư, hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác thử nghiệm chất lượng dịch vụ kỹ thuật và hiệu chỉnh thiết bị), đồng thời đính kèm Bảng thuyết minh cấu thành danh mục, số lượng hóa chất, vật tư xét nghiệm theo từng dịch vụ kỹ thuật.												
1	Hóa chất											
2	Hóa chất											
3												
Tổng cộng thành tiền (đã bao gồm chi phí cho mượn máy, đặt máy (trong đó đã bao gồm dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, thay thế linh kiện; lắp đặt, đào tạo, hướng dẫn sử dụng); thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí có liên quan												
0												

- Hiệu lực của hồ sơ chào: tối thiểu 6 tháng kể từ ngày 27/10/2025

Ngày tháng năm 2025
Đại diện Công ty
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

* Ghi chú:

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng.
- Giá ở cột 14 là giá đã bao gồm chi phí thiết bị y tế đi kèm (trong đó đã bao gồm dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, thay thế linh kiện; lắp đặt, đào tạo, hướng dẫn sử dụng); thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí có liên quan
- Công ty chỉ chào danh mục vật tư, hóa chất xét nghiệm để thực hiện các dịch vụ kỹ thuật trên thiết bị y tế Công ty đã chào tại Phụ lục 4.